

Số: /QĐ- UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai
và Tìm kiếm cứu nạn năm 2024 - huyện Tuy Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tại Tờ trình
số 236 /TTr-PCTT ngày 06 /9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và Tìm kiếm
cứu nạn năm 2024 của huyện Tuy Phước.

(Cụ thể, chi tiết có Phương án kèm theo)

Điều 2. Thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS
huyện được phân công phụ trách từng địa bàn và UBND các xã, thị trấn chịu trách
nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và TKCN trong phạm
vi, địa phương mình theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thường trực Ban chỉ huy
Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn,
Thủ trưởng các phòng, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT BCH PCTT-TKCN & PTDS tỉnh (để b/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (để b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- TV BCH PCTT-TKCN & PTDS huyện
phụ trách địa bàn các xã, thị trấn;
- PCVP KT;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam

PHƯƠNG ÁN

**Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai
và Tìm kiếm cứu nạn năm 2024 - huyện Tuy Phước**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024
của UBND huyện Tuy Phước)

PHẦN I

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2007;
- Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều;
- Nghị định số ... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;
- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;
- Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 29/6/2024 của Chính phủ về việc bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai trong thời gian kiện toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp;
- Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của chủ tịch UBND huyện về việc Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự huyện năm 2024;

- Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy về Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự huyện: Số 82/QĐ-BCH ngày 12/6/2024 v/v Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự huyện năm 2024;

- Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2024;

II. MỤC ĐÍCH

1. Chủ động ứng phó trước mọi tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước tình huống thiên tai có thể xảy ra.

2. Thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phương án ứng phó với thiên tai sát với tình hình thực tế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực ứng phó thiên tai của các tổ chức, đơn vị, góp phần hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn; Bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhà cửa của nhân dân, các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt, bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian xảy ra thiên tai.

4. Xác định cụ thể những khu vực nguy hiểm, số hộ dân, số người dân cần phải sơ tán, địa điểm sơ tán đến, hậu cần nơi đến sơ tán, phương tiện và nhân lực thực hiện để chủ động triển khai ứng phó thiên tai. Nâng cao năng lực xử lý các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra.

III. YÊU CẦU

1. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “04 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ); bảo đảm nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

2. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

3. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh và ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của người dân.

6. Triển khai đồng bộ đồng bộ giữa các số liệu cập nhật trên Phương án và phần mềm Quản lý thiên tai để thống nhất điều hành ứng phó của tỉnh khi xảy ra các tình huống bão, lũ trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định.

PHẦN II

NHẬN ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI, CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP

I. Đặc điểm tình hình thời tiết năm 2024

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định trong các tháng cuối năm 2024 tình hình thời tiết diễn biến rất khó lường:

1. Về mưa, lũ: Dự báo ở Trung Bộ tháng 9 – 11 mưa lớn cục bộ với cường suất lớn từ 50 - 100mm trong 3 - 6 giờ có khả năng xuất hiện nhiều trong thời gian tới, đề phòng gây sạt lở và lũ quét ở vùng núi, ngập úng đô thị. Đặc biệt, cảnh báo kịch bản La Nina tác động vào nửa cuối năm 2024 có thể xuất hiện các đợt mưa tập trung nhiều trong các tháng cuối năm 2024 tại khu vực Trung Bộ.

2. Về Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Dự báo có khoảng 11 - 13 cơn trên Biển Đông và 5 - 7 cơn ảnh hưởng đến đất liền. Hoạt động của bão và ATNĐ có khả năng sẽ tập trung vào nửa cuối mùa bão (từ tháng 9 - 11/2024).

Vì vậy, công tác ứng phó thiên tai và công tác giảm nhẹ thiên tai năm 2024 cần chủ động và phải đẩy mạnh hơn nữa, để bảo vệ thành quả lao động của toàn dân, đảm bảo tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn huyện.

II. Chủ trương và các giải pháp

1. Chủ trương

Cần nhận thức sâu sắc và thực hiện tốt phương châm “*Chủ động Phòng, tránh, thích nghi để phát triển*” hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ, bão, trong đó lấy công tác né tránh, phòng ngừa là chính.

2. Các giải pháp

2.1. Trước khi thiên tai xảy ra

- Kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS các cấp theo phương châm “4 tại chỗ”; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư để làm tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ” khi có thiên tai xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến của thời tiết, thiên tai, bão lụt nhất là khi có mưa to, khả năng lũ lớn nhanh để cảnh báo chính xác kịp thời cho các địa phương, các ngành và toàn dân biết để chủ động phòng, tránh, ứng phó.

- Mọi hoạt động kinh tế, xã hội ở vùng thường xuyên bị thiên tai cần được bố trí theo hướng tránh lũ chính vụ.

- Tăng cường công tác bảo vệ và trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng chắn gió, rừng ngập mặn ven biển để góp phần giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai, trong đó ưu tiên hệ thống đê điều, cầu đường... các công trình trong kế hoạch năm 2024

phải đảm bảo vượt lũ trước ngày **30/9/2024**. Đối với các công trình chưa có kế hoạch xây dựng trong năm 2024, phải tiến hành các biện pháp gia cố để đảm bảo an toàn, tháo dỡ các vật cản trên các tuyến sông suối, đập, cống đảm bảo việc tiêu thoát lũ, hạn chế các thiệt hại do thiên tai.

- Trong đầu quý III năm 2024, hoàn thành việc kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS các cấp; triển khai công tác năm 2024, trong đó đặc biệt chú ý các nội dung bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước, an toàn đê điều, hồ chứa, tàu thuyền, công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, các nguồn lực sử dụng khi thiên tai xảy ra.

- Chỉ đạo xã, thị trấn đã ban hành quyết định củng cố, thành lập Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong năm 2024 theo Hướng dẫn xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai tại Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và các đơn vị Công an, Quân sự huyện cử cán bộ tham dự 05 tập huấn huấn trong năm 2024 về kiến thức PCTT do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT tỉnh tổ chức. Đồng thời, đã cử cán bộ theo dõi công tác PCTT cấp huyện và cấp xã tham dự lớp tập huấn chuyên sâu về sử dụng phần mềm Quản lý thiên tai tại thành phố Quy Nhơn do Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh tổ chức.

- Chỉ đạo các địa phương xây dựng và phê duyệt xong phương án PCTT&TKCN năm 2024; đồng thời, báo cáo về UBND huyện để theo dõi, chỉ đạo.

- Chỉ đạo các địa phương trước mùa mưa lũ triển khai tổ chức phát tuyến, chặt cây ma dương mọc trên thân, mái đê gây cản trở dòng chảy trên các tuyến sông nhằm để tiêu úng, thoát lũ, chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư để làm tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 theo phương châm “phương châm “4 tại chỗ ” khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường công tác quản lý tàu thuyền trên đằm. Tổ chức tốt công tác thông tin cảnh báo hướng dẫn, kêu gọi tàu thuyền tránh, trú khi có gió bão, ATNĐ.

- Thường xuyên thông tin, tuyên truyền về các loại hình thiên tai để nâng cao ý thức hiểu biết và năng lực phòng chống thiên tai của cá nhân, cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống thiên tai và TKCN.

2.2. Khi thiên tai xảy ra

Huy động mọi lực lượng của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang, thanh niên xung kích đóng vai trò nòng cốt, tập trung mọi nỗ lực cho việc ứng phó, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn để “Đội phó kịp thời” theo phương châm “4 tại chỗ” nhằm ngăn chặn, giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.3. Khi thiên tai kết thúc

Huy động mọi nguồn lực theo quy định của pháp luật để tổ chức “Khắc phục khẩn trương và có hiệu quả” các hậu quả do thiên tai gây ra theo tinh thần “Lá lành đùm lá rách”; thực hiện tốt các chính sách xã hội, công tác cứu trợ sau thiên tai

nhằm nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, phục hồi sản xuất và các hoạt động văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái vùng thiên tai.

PHẦN III

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ 4 TẠI CHỖ TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

I. CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH

1. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai, quy định như sau:

- Rủi ro thiên tai được phân cấp căn cứ vào cường độ, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động trực tiếp và khả năng gây thiệt hại của thiên tai.

- Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai.

- Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 5 cấp và được gắn với một màu đặc trưng trên các loại bản đồ, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai: cấp 1 màu xanh dương nhạt là rủi ro thấp; cấp 2 màu vàng nhạt là rủi ro trung bình; cấp 3 màu da cam là rủi ro lớn; cấp 4 màu đỏ là rủi ro rất lớn; cấp 5 màu tím là rủi ro ở mức thảm họa (Xem thêm Phụ lục 1).

- Cấp độ rủi ro của hai hay nhiều thiên tai xảy ra đồng thời hoặc liên tiếp, có thể điều chỉnh tăng lên 1 cấp dựa trên tác động của thiên tai; trong trường hợp có nguy cơ xảy ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, cấp độ rủi ro có thể được xem xét tăng lên hai cấp, cao nhất là cấp 5.

2. Về Chỉ huy ứng phó các cấp độ rủi ro thiên tai

Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai được quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ, tóm lược như sau:

a) Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1

- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã.

b) Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên;

hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

c) Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4

- Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai; Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

d) Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 5

Được Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra trên địa bàn cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý: Quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai. Phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn bị ảnh hưởng.

3. Về thông tin liên lạc

a) Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự huyện: Ban Chỉ huy Quân sự huyện

+ Địa chỉ: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

+ Điện thoại: 0256.3621.275.

b) Cơ quan Thường trực về Phòng, chống thiên tai huyện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy về phòng, chống thiên tai kể từ sau ngày 01/7/2024 cho đến khi hoàn thành việc tổ chức thành lập mới của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự huyện Tuy Phước.

+ Điện thoại: 0256.3633.371

+ Email: phongnongnghiep@tuyphuoc.binhdinhh.gov.vn;

c) Số điện thoại các thành viên chủ chốt Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự huyện: Các thành viên chủ chốt dựa trên cơ sở Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự huyện năm 2024, trong khi chờ đợi hướng dẫn của Trung ương về thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp.

Danh bạ điện thoại Thành viên chủ chốt của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự huyện năm 2024

TT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác	Chức vụ Ban Chỉ huy	Điện thoại
1	Ông Huỳnh Nam	Chủ tịch UBND huyện	Trưởng ban	0935 251 438
2	Ông Nguyễn Ngọc Xuân	Phó Chủ tịch Thường trực UBND huyện	Phó trưởng ban Thường trực	0914 140 171
3	Ông Nguyễn Văn Đây	Trưởng Công an huyện	Phó trưởng ban	0914 123 203
4	Ông Phạm Thanh Hà	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện	Phó trưởng ban	0988 657 907
5	Ông Trần Văn Tuấn	Phó Chỉ huy Trưởng kiêm tham mưu trưởng BCH Quân sự huyện	Ủy viên Thường trực	0969 232 221
6	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Trưởng Công an huyện	Ủy viên Thường trực	0986 148 833
7	Ông Phạm Quang Ân	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	Ủy viên Thường trực	0918 397 549
8	Ông Nguyễn Văn Tám	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	Ủy viên Thường trực	0988 620 266
9	Ông Tô Minh Chánh	Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện	Ủy viên	0966 221 479

II. LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Hằng năm, lực lượng các đơn vị của Bộ, Quân khu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hợp đồng phân về địa bàn huyện để tham gia công tác PCTT-TKCN, cụ thể:

TT	Tên Đơn vị	Số lượng (Đ/c)	Ghi chú
I	CÁC ĐƠN VỊ CỦA BỘ	300	
1	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	20	
2	Sư đoàn 31	50	
3	Lữ đoàn 7	60	
4	Trung đoàn 925	120	
5	Lữ đoàn 675	20	
6	Tiểu đoàn Phòng hóa 906	30	
II	CÁC ĐƠN VỊ QUÂN KHU	299	
1	Sư đoàn 2	100	
2	Lữ đoàn 573	130	
3	Trung đoàn 655	30	
4	Viện Quân Y 13	9	
5	Kho kỹ thuật K52	30	
	Tổng cộng	599	

- Lực lượng ứng phó thiên tai cấp huyện bao gồm: Lực lượng Quân sự huyện: 15 người, Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện đề nghị Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định thành lập; Lực lượng Công an huyện: 20 người, Trưởng Công an huyện đề nghị Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định thành lập; Lực lượng Thanh niên: 35 người, Bí thư Huyện đoàn phối hợp UBND thị trấn Tuy Phước đề nghị Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định thành lập lực lượng thanh niên xung kích năm 2024 (*Lực lượng này chủ yếu làm nhiệm vụ ở địa bàn TT Tuy Phước, UBND huyện điều động khi cần thiết để xử lý tình hình khẩn cấp*).

- Lực lượng ứng phó thiên tai cấp xã bao gồm: Đội xung kích Phòng, chống thiên tai cấp xã; Lực lượng tại chỗ đáp ứng được hỗ trợ sơ tán dân trước khi bão, lũ xảy ra, cụ thể:

ĐỘI XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CẤP XÃ

(Số liệu từ phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định ngày 15/7/2024)

TT	Địa phương	Tổng	Đội xung kích PCTT cấp xã								
			Dân quân tự vệ	Công an xã (số bình quân)	Y tế	Đoàn thanh niên	Hội phụ nữ	Hội nông dân, hội cựu chiến binh	Hội chữ thập đỏ	Công chức, viên chức, NLD UBND xã	Cán bộ, lãnh đạo các thôn/khu phố
	Tuy Phước	982	316	26	44	182	23	42	13	90	246
1	TT.Tuy Phước	73	43	2	3	2	1	2	1	5	14
2	TT.Diêu Trì	56	19	2	3	6	5	1	1	9	10
3	X.Phước Thắng	61	32	2	3	4	2	6	1	3	8
4	X.Phước Hưng	92	20	2	3	15	2	4	1	10	35
5	X.Phước Quang	142	30	2	3	15	2	4	1	8	77
6	X.Phước Hòa	63	20	2	1	16	1	4	1	8	10
7	X.Phước Sơn	54	-	2	11	20	1	4	1	5	10
8	X.Phước Hiệp	98	10	2	5	20	1	4	1	10	45
9	X.Phước Lộc	58	10	2	5	20	1	4	1	5	10
10	X.Phước Nghĩa	78	30	2	3	20	3	6	1	10	3
11	X.Phước Thuận	78	34	2	1	22	1	1	1	6	10
12	X.Phước An	72	32	2	1	16	1	2	1	7	10
13	X.Phước Thành	57	36	2	2	6	2	-	1	4	4

III. PHƯƠNG TIỆN - VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ

1. Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN hiện có

a) Ở xã, thị trấn:

* Phương tiện ghe, xuồng máy

- Phước Thuận: 12 chiếc, vị trí tập kết tại các bên Nhân Ân, Lộc Hạ, Bình Thái, Quảng Vân.

- Phước Sơn: 05 chiếc, vị trí tập kết tại bên Vinh Quang, Dương Thiện.

- Phước Hoà: 05 chiếc, vị trí tập kết tại bên Huỳnh Giản, Gò Bồi.
- Phước Thắng: 03 chiếc, vị trí tập kết tại bên Đập Mới, Lạc Điền.

Các phương tiện trên được lựa chọn mỗi chiếc có công suất từ 15 mã lực trở lên, chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh tùy theo sức chở của mỗi ghe máy trên cơ sở đảm bảo tính kịp thời và an toàn tuyệt đối. Khi có yêu cầu phục vụ cho xã, thị trấn hoặc hỗ trợ xã bạn theo điều động của huyện thì phải tham gia được ngay.

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn thực hiện ký kết hợp đồng với chủ phương tiện, gửi một hợp đồng trên về BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện; khi có yêu cầu điều động UBND các xã, thị trấn trên cần phải có các văn bản chuẩn bị trước để điều động nhanh, kịp thời. Ngoài ra, tùy theo địa hình ngập lũ, các xã, thị trấn chuẩn bị các phương tiện như sồng, xuồng, ghe cỡ vừa, nhỏ để tiện lưu thông theo địa hình.

* Phương tiện ô tô: Mỗi xã, thị trấn tùy theo thực tiễn các tuyến đường giao thông ngập lũ chuẩn bị từ 2-5 chiếc xe ô tô tải đảm bảo an toàn để chuyên chở vật liệu, lương thực, thực phẩm, di dời dân.

* Chuẩn bị thuyền, đèn pin, mõ, keng tại mỗi vị trí trực ở các trọng điểm trên địa bàn xã, thị trấn và tại UBND các xã, thị trấn phải có số lượng tối thiểu cần thiết để thông tin liên lạc và làm nhiệm vụ ứng cứu.

Chuẩn bị phao cứu sinh và các dụng cụ lao động khác, chủ động tại chỗ để sử dụng khi cần giải quyết kịp thời.

* Vật tư vật liệu: Các vị trí công trình, đê điều xung yếu và các hồ chứa nước, tùy tính chất, mức độ ở từng vị trí công trình UBND các xã, thị trấn chuẩn bị các loại vật liệu chủ yếu như: Đá học, đá dăm, sỏi cát, rọ thép, cọc tre, cọc sầm, rom rạ, bao... với khối lượng vật tư, vật liệu thích hợp để phục vụ cho công tác PCTT an toàn.

b) Ở huyện: Giao thường trực BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện chuẩn bị các phương tiện và dụng cụ thiết yếu sau:

- Bo bo: 04 chiếc tại huyện, trong đó giao Công an huyện đảm nhiệm 02 chiếc, BCH Quân sự huyện 02 chiếc phải đảm bảo vận hành tốt trong mùa mưa lũ.

- Ghe máy: Phước Thuận hợp đồng 01 chiếc ở thôn Quảng Vân cho Thường trực BCH huyện (*Khi cần số lượng lớn để ứng cứu thì điều động thêm 14 chiếc, gồm: Phước Thuận 10 chiếc, Phước Sơn 02 chiếc, Phước Hoà 02 chiếc để chuyên chở*).

- Ô tô tải vận chuyển lương thực, thực phẩm, hàng cứu trợ (ở một số tuyến đường trên địa bàn có thể lưu thông an toàn trong mưa lũ). Số lượng 02 chiếc tại Thị trấn Tuy Phước.

- Phao cứu sinh: Áo phao 110 cái, phao tròn 05 cái và 11.000 bao cát tại huyện.

IV. DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

- **Cấp huyện:** Tổ chức dự trữ lương thực, nước uống bảo đảm cứu trợ trong các tình huống (*các hình thức dự trữ có thể thực hiện như: dự trữ tại kho, hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, lưu ý dự trữ ở những*

địa bàn thường xuyên bị chia cắt, cô lập ...), có phương án phân phối trước lương thực, hàng hóa đến các địa phương có nguy cơ bị cô lập khi lũ lụt, bão nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực có nguy cơ chia cắt giao thông do sạt lở đất. Giao Trưởng phòng Lao động -Thương binh và Xã hội huyện chuẩn bị kinh phí và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các đại lý lớn sẵn sàng cung cấp mì tôm, lương khô và nước uống khi lãnh đạo UBND huyện điều động, cứu trợ khẩn cấp.

- **Cấp xã:** Tổ chức dự trữ hoặc hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, vận động nhân dân tự dự trữ trong gia đình lượng lương thực **bảo đảm sử dụng trong 05 ngày (tối thiểu 03 ngày).**

PHẦN IV PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI NĂM 2024

I. Phương án ứng phó với thiên tai năm 2024 trên địa bàn huyện

Do vị trí địa lý của huyện là vùng trũng thấp, nằm cuối nguồn của 02 lưu vực sông Kôn và sông Hà Thanh, nên tình hình thiên tai trên địa bàn huyện trong những năm qua diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở huyện là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, dông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, ... Đặc biệt là loại hình thiên tai do bão, lũ, mưa lớn xảy ra hàng năm gây ra nhiều thiệt hại và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong huyện.

Nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất về tài sản và tính mạng của nhân dân trên địa bàn huyện, UBND huyện xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai, cụ thể như sau:

1. Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai

a) Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

- Vùng bị ảnh hưởng gió bão:

Bảng 1: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng của gió bão

Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
13	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, TT. Diêu Trì, TT. Tuy Phước.

- Vùng bị ảnh hưởng do nước biển dâng do bão:

Bảng 2: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do nước biển dâng do bão

Số xã	Xã ảnh hưởng
4	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận.

b) Đối với lũ, ngập lụt

Bảng 3: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do lũ, ngập lụt

Số xã	Xã, thị trấn ảnh hưởng
13	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, TT. Diêu Trì, TT. Tuy Phước.

c) Đối với sạt lở đất

Bảng 4: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do sạt lở đất

Số xã	Xã ảnh hưởng
1	Khu vực núi Hòn Chà thuộc xóm 4, thôn Cảnh An, xã Phước Thành: có 06hộ/21 nhân khẩu nguy cơ bị ảnh hưởng.
2	Khu vực núi Hòn Vồ thuộc khu phố Diêu Trì, thị trấn Diêu Trì: có 40hộ/140 nhân khẩu
3	Khu vực núi Kỳ Sơn thuộc thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn: có 17hộ/62 nhân khẩu nguy cơ bị ảnh hưởng và các thôn Tân Thuận, Liêm Thuận và Phở Trạch, xã Phước Thuận: có 64 hộ/240 nhân khẩu nguy cơ bị ảnh hưởng

2. Kịch bản ứng phó thiên tai

Nhằm để triển khai thực hiện Phương án ứng phó thiên tai theo 07 kịch bản trên phần mềm và cho công tác chỉ đạo ứng phó thiên tai trong năm 2024 từ cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo Quyết định số 4355/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, qua rà soát số liệu (từ nguồn: Phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định, cập nhật đến ngày 15/7/2024), UBND huyện xây dựng Phương án ứng phó như sau

- Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 3.1 (KB bão 3.1);
- Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 3.2 (KB bão 3.2);
- Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 4 (KB bão 4);
- Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 5 (KB bão 5);
- Kịch bản ứng phó với lũ cấp độ rủi ro cấp 2 (KB lũ 2);
- Kịch bản ứng phó với lũ cấp độ rủi ro cấp 3.1 (KB lũ 3.1);
- Kịch bản ứng phó với lũ cấp độ rủi ro cấp 3.2 (KB lũ 3.2);
- Ứng phó với lũ quét, sạt lở đất;
- Phòng cháy, chữa cháy rừng;

Trong đó các kịch bản ứng phó với bão, lũ đã được số hóa, điều hành ứng phó trực tuyến trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định tại địa chỉ <http://thientai.binhdingh.gov.vn>

3. Phương pháp xây dựng các kịch bản ứng phó với bão lũ**3.1. Kịch bản ứng phó với bão:** Có 04 kịch bản ứng phó với bão gồm:

- Cấp độ rủi ro cấp 3:

- + Cấp độ rủi ro cấp 3.1: Cấp gió bão từ cấp 8 - 9, tương ứng bão thường.
- + Cấp độ rủi ro cấp 3.2: Cấp gió bão từ cấp 10 - 11, tương ứng với bão mạnh.
- Cấp độ rủi ro cấp 4 trở lên: Cấp gió bão từ cấp 12 - 13, tương ứng với bão rất mạnh.
- Cấp độ rủi ro cấp 5: Cấp gió bão từ cấp 14 trở lên, tương ứng với siêu bão.

3.2. Kịch bản ứng phó với lũ:

Có 03 kịch bản ứng phó với lũ lụt gồm:

- Cấp độ rủi ro cấp 2: Mực nước lũ các trạm thủy văn trên sông từ báo động lũ cấp 3 (BĐ3) đến dưới báo động lũ cấp 3 + 1 mét (BĐ3 + 1m).
- Cấp độ rủi ro cấp 3:
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.1: Mực nước lũ các trạm thủy văn trên sông từ báo động lũ cấp 3 + 1 mét (BĐ3 + 1m) đến lũ lịch sử.
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.2: Mực nước lũ các trạm thủy văn trên sông trên lũ lịch sử.

4. Phương án xây dựng kịch bản ứng phó với bão, lũ

a) Ứng phó với bão

- Các loại nhà phải sơ tán theo các cấp bão:
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.1 (gió cấp 8, 9): Nhà đơn sơ
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.2 (gió cấp 10, 11): Nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố.
 - + Cấp độ rủi ro cấp 4 (gió cấp 12, 13): Nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố, nhà bán kiên cố.
 - + Cấp độ rủi ro cấp 5 (gió lớn hơn cấp 14): Nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố, nhà bán kiên cố, nhà kiên cố.
- Hình thức sơ tán: UBND cấp xã lựa chọn hình thức sơ tán (tập trung hoặc xen ghép) phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương.

b) Ứng phó với lũ

- Các loại nhà phải sơ tán theo các cấp ngập lụt:
 - + Cấp độ rủi ro cấp 2: Nhà 1 tầng + đã ngập từ 2 mét trở lên.
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.1: Nhà 1 tầng + đã ngập từ 1 mét trở lên.
 - + Cấp độ rủi ro cấp 3.2: Nhà 1 tầng + đã từng bị ngập.
- Hình thức sơ tán: UBND cấp xã lựa chọn hình thức sơ tán (tập trung hoặc xen ghép) phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương. Với kịch bản lũ 2 và lũ 3.1: Chỉ sơ tán những người dễ bị tổn thương trong hộ gia đình.

5. Kế hoạch sơ tán dân theo các kịch bản

5.1. Kịch bản kế hoạch sơ tán dân ứng phó với bão có 04 kịch bản

5.1.1. Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 3.1: Ứng với (gió cấp 8, 9):

Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **06hộ/19** nhân khẩu sơ tán xen ghép và có **03/11** nhân khẩu sơ tán tập trung cụ thể như sau:

Bảng 1: Sơ tán dân theo Kịch bản bão 3.1

TT	Địa phương	Rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão			
		PA 3.1 (gió bão cấp 8-9; Rủi ro cấp độ 3)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	6	19	3	11
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	4	11	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	1	3	3	11
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	1	5	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-
11	Xã Phước An	-	-	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	-
13	Thị trấn Tuy Phước	-	-	-	-

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.1.2. Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 3.2: Ứng với (gió cấp 10, 11):

Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **2.272 hộ/8.924** nhân khẩu sơ tán xen ghép và có **42 hộ/158** nhân khẩu sơ tán tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 2: Sơ tán dân theo Kịch bản bão 3.2

TT	Địa phương	Rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão			
		PA 3.2 (gió bão cấp 10-11; Rủi ro cấp độ 3)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	2.272	8.924	42	158
1	Xã Phước Thắng	21	59	-	-
2	Xã Phước Hòa	69	195	-	-
3	Xã Phước Sơn	610	2.447	-	-
4	Xã Phước Thuận	1.137	4.620	32	122
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	1	5	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-

9	Xã Phước Lộc	336	1.212	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-
11	Xã Phước An	-	-	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	-
13	Thị trấn Tuy Phước	98	386	10	36

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.1.3. Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 4: Ứng với (gió cấp 12, 13):

Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **12.072 hộ/45.275 nhân khẩu** sơ tán xen ghép và có **16 hộ/53 nhân khẩu** sơ tán tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 3: Sơ tán dân theo Kịch bản bão cấp độ 4

TT	Địa phương	Rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão			
		PA 4 (gió bão cấp 12-13; Rủi ro cấp độ 4)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	12.072	45.275	16	53
1	Xã Phước Thắng	2.459	8.212	1	4
2	Xã Phước Hòa	367	1.343	-	-
3	Xã Phước Sơn	3.869	15.350	-	-
4	Xã Phước Thuận	3.724	14.644	1	4
5	Xã Phước Nghĩa	163	540	-	-
6	Xã Phước Hiệp	144	509	-	-
7	Xã Phước Hưng	63	153	-	-
8	Xã Phước Quang	47	91	-	-
9	Xã Phước Lộc	611	2.135	-	-
10	Xã Phước Thành	6	12	1	1
11	Xã Phước An	34	108	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	133	467	1	4
13	Thị trấn Tuy Phước	452	1.711	12	40

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.1.4. Kịch bản ứng phó với bão cấp độ rủi ro cấp 5: Ứng với (gió lớn hơn cấp 14):

Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **32.779 hộ/122.748 nhân khẩu** sơ tán xen ghép và có **66 hộ/150 nhân khẩu** sơ tán tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 4: Sơ tán dân theo Kịch bản bão cấp độ 5

TT	Địa phương	Rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão			
		PA 5 (gió bão trên cấp 14; Rủi ro cấp độ 5)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	32.779	122.748	66	150
1	Xã Phước Thắng	2.638	8.886	-	-

2	Xã Phước Hòa	1.666	5.999	-	-
3	Xã Phước Sơn	5.532	22.123	-	-
4	Xã Phước Thuận	4.744	18.799	1	4
5	Xã Phước Nghĩa	1.183	4.428	-	-
6	Xã Phước Hiệp	3.609	13.834	-	-
7	Xã Phước Hưng	1.256	4.255	-	-
8	Xã Phước Quang	3.034	9.662	47	91
9	Xã Phước Lộc	4.121	16.610	-	-
10	Xã Phước Thành	134	410	1	1
11	Xã Phước An	227	772	2	5
12	Thị trấn Diêu Trì	2.554	9.035	3	9
13	Thị trấn Tuy Phước	2.081	7.935	12	40

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.2. Kịch bản kế hoạch sơ tán dân ứng phó với lũ có 03 kịch bản:

5.2.1. Kịch bản ứng phó với lũ cấp độ rủi ro cấp 2: Mục nước lũ các trạm thủy văn trên sông từ **báo động lũ cấp 3 (BD3) - dưới báo động lũ cấp 3 + 1 mét**

Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **39/170** nhân khẩu sơ tán xen ghép, cụ thể như sau:

Bảng 5: Sơ tán dân theo các kịch bản lũ

TT	Địa phương	Rủi ro do lũ, ngập lụt			
		PA 2 (Mức nước lũ từ báo động 3 - dưới BD 3+1m; Rủi ro cấp độ 2)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	39	170	-	-
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	6	29	-	-
4	Xã Phước Thuận	-	-	-	-
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	5	21	-	-
7	Xã Phước Hưng	1	2	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	5	23	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-
11	Xã Phước An	8	39	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	8	33	-	-
13	Thị trấn Tuy Phước	6	23	-	-

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.2.2. Kịch bản ứng phó với với lũ cấp độ rủi ro cấp 3:

- Cấp độ rủi ro cấp 3.1: Mức nước lũ các trạm thủy văn trên sông từ **báo động lũ cấp 3 + 1 mét (BD3 + 1m) đến lũ lịch sử**.

- Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có: **624 hộ/2.347** nhân khẩu sơ tán xen ghép và có **11 hộ/19** nhân khẩu sơ tán tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 6: Sơ tán dân theo các kịch bản lũ

TT	Địa phương	Rủi ro do lũ, ngập lụt			
		PA 3.1 (Mức nước lũ từ BD 3 +1m đến lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	624	2.347	11	19
1	Xã Phước Thắng	118	453	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	170	635	-	-
4	Xã Phước Thuận	87	328	4	8
5	Xã Phước Nghĩa	15	54	2	2
6	Xã Phước Hiệp	36	139	-	-
7	Xã Phước Hưng	2	6	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	29	61	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-
11	Xã Phước An	30	131	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	41	175	1	3
13	Thị trấn Tuy Phước	96	365	4	6

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

5.2.3. Kịch bản ứng phó với với lũ cấp độ rủi ro cấp 3:

- Cấp độ rủi ro cấp 3.2: Mức nước lũ các trạm thủy văn trên sông trên lũ lịch sử.

- Kế hoạch sơ tán dân trên địa bàn huyện có **13.931 hộ/51.696** nhân khẩu sơ tán xen ghép và có **62 hộ/232** nhân khẩu sơ tán tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 7: Sơ tán dân theo các kịch bản lũ

TT	Địa phương	Rủi ro do lũ, ngập lụt			
		PA 3.2 (Mức nước trên lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Huyện Tuy Phước	13.931	51.696	62	232
1	Xã Phước Thắng	2.216	7.408	-	-
2	Xã Phước Hòa	128	561	-	-

3	Xã Phước Sơn	2.163	8.522	-	-
4	Xã Phước Thuận	1.194	4.641	6	23
5	Xã Phước Nghĩa	209	673	4	11
6	Xã Phước Hiệp	34	131	-	-
7	Xã Phước Hưng	321	989	-	-
8	Xã Phước Quang	1.454	4.885	-	-
9	Xã Phước Lộc	2.440	9.892	-	-
10	Xã Phước Thành	480	1.624	-	-
11	Xã Phước An	184	675	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	1.067	3.816	3	11
13	Thị trấn Tuy Phước	2.041	7.879	49	187

(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)

6. Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa nước: Các hồ chứa nước: Hồ Đá Vàng, hồ Cây Thích, xã Phước Thành hiện nay đang sửa chữa nâng cấp nên không tích nước trong mùa mưa lũ. Riêng hồ Cây Da (Phước Thành), hồ Hóc Ké (Phước An), UBND các xã có hồ chứa nước chỉ đạo đơn vị quản lý là Xí nghiệp Thủy lợi IV và HTX NN Phước An xây dựng phương án ứng phó cho hồ chứa nước trên địa bàn và thực hiện phương châm “4 tại chỗ” đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

- Trước khi bão lũ xảy ra: Xây dựng phương án bảo vệ an toàn công trình trong mùa mưa lũ, dự kiến các tình huống sự cố và phương án cứu hộ cụ thể. Chỉ đạo công tác kiểm tra tu sửa, bảo dưỡng tuyến đập, tuyến tràn và công lấy nước của hồ.

- Tu bổ lớp bảo vệ mái đập, không để bị sạt lở và xói thành rãnh, bồi trức chỗ sạt lở ở mặt và mái đập, không để nước mưa đọng thành vũng ở mặt đập, xử lý diệt trừ tổ mối ở thân đập... và chuẩn bị vật tư, vật liệu đáp ứng theo yêu cầu ứng phó thiên tai.

- Khi lụt bão xảy ra: Kịp thời phát hiện sự cố xảy ra ban đầu như: Lỗ rò qua thân đập, dòng thấm dọc theo thành công mang theo các hạt nhỏ, nứt trượt mái đập, nước có nguy cơ tràn qua đỉnh đập... Trên cơ sở vật tư, vật liệu và nhân lực tại chỗ xử lý ngay từ đầu, báo cáo kịp thời cho Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện để hỗ trợ lực lượng, phương tiện và kỹ thuật, đồng thời báo cho đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn đã được phân công.

- Biện pháp khắc phục: Làm tầng lọc ngược, be bờ con xử lý vết nứt dẫn nước mưa ra ngoài, đắp chỗ lở. Nếu gặp mưa bão đặc biệt lớn, nước có nguy cơ tràn qua thân đập, thấm thấu qua hạ lưu, cần thiết phải đào xả lạch tràn phải xin ý kiến chuyên ngành Sở NN và PTNT.

7. Phương án đảm bảo an toàn đê điều

7.1. Đối với đê sông: Các đoạn đê nằm trên các tuyến sông chính có mực nước sâu, dòng chảy xiết, những đoạn đê bị sạt lở xung yếu đang khắc phục tạm nếu vỡ gây tác hại rất lớn như: Sa bồi thủy phá trên đồng ruộng, ngập lụt làm sập, trôi nhà đe dọa tính mạng và tài sản nhân dân; khi có nguy cơ xảy ra sự cố vượt quá khả năng xử lý tại chỗ, cần báo cáo khẩn cấp về huyện để tăng cường hỗ trợ. Yêu cầu UBND các xã, thị trấn kiểm tra, tu bổ, áp trức, gia cố kè các đoạn đê xung

yếu trước mùa mưa lũ chuẩn bị vật tư tại chỗ ở những nơi xung yếu có khả năng vỡ lở, trong đó lưu ý các vị trí sau:

a) Các nhánh sông Kôn:

- Phước Hiệp: Tuyến đê sông Cạn từ đập Lê nghĩa đến cầu sông Cạn.

- Phước Hiệp: đoạn đê sông Cây Me (hạ lưu bờ Bắc tràn 3 xã đến đập Cát).

b) Tuyến sông Gò Chàm - Phước Hưng: đoạn đê bờ Nam thượng lưu cầu Phú Đa.

7.2. Đối với đê biển

UBND các xã, thị trấn có đê phối hợp với Đội quản lý đê, Chi cục Thủy lợi, kiểm tra tu bổ, gia cố kịp thời các đoạn xung yếu trước mùa mưa lũ và lưu ý các vị trí đê xung yếu và các cống qua đê chưa được kiên cố thuộc địa bàn tuyến đê Huỳnh Giản đến Nhơn Hội - Phước Hòa.

Khi bão lũ xảy ra: Nếu có nguy cơ đe dọa, trước hết điều động tổ xung kích và phương tiện vật tư, vật liệu tại chỗ để xử lý. Khi cần thiết thì Chủ tịch UBND xã, thị trấn điều động thêm đội xung kích ở xã và các tổ đội xung kích tại các vị trí trọng điểm khác trên địa bàn xã, thị trấn hỗ trợ, đồng thời kịp thời báo cáo Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN huyện và Chi cục Thủy lợi để chỉ đạo huy động thêm lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ.

* Các công trình XDCB nhất là các công trình giao thông, thủy lợi phải đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo hoàn thành vượt lũ trước ngày 30/9/2024. Những công trình chưa thi công chưa hoàn thành phải thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN của công trình và có biện pháp chống giữ, đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

8. Phương án đảm bảo an toàn ngư dân và tàu thuyền

- Trước khi mùa mưa bão đến, thông báo cho các xã ven đầm có ngư dân đánh bắt thủy sản các địa điểm neo đậu tàu thuyền tránh trú bão như sau:

+ Vùng nước từ cầu Hàm Tử đến đường Phan Chu Trinh: khả năng trú đậu khoảng 800 tàu.

+ Vùng nước khu dịch vụ hậu cần Bắc sông Hà Thanh: khả năng trú đậu khoảng 200 tàu.

- Trước khi xảy ra bão hoặc áp thấp nhiệt đới, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện triển khai thực hiện thông báo khẩn của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh: nghiêm cấm không cho tàu thuyền ra khơi. Bằng mọi biện pháp thông báo cho các phương tiện tàu thuyền đang hoạt động trên biển biết vị trí, hướng di chuyển của bão hoặc áp thấp nhiệt đới để chủ động di chuyển về nơi an toàn. Các xã, thị trấn có tàu thuyền đang hoạt động trên các vùng biển, tiến hành kiểm, đếm số lượng, thường xuyên giữ liên lạc và báo cáo về Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện để kịp thời báo cáo về tỉnh.

9. Phương án đảm bảo an toàn cầu, cống giao thông và đảm bảo giao thông tại các trọng điểm

a) Đối với các đoạn nước ngập sâu:

- Các đoạn giao thông nước ngập sâu phải đưa đò thuộc địa phận xã, thị trấn nào thì Chủ tịch UBND xã, thị trấn đó tổ chức quản lý. Trường hợp tuyến đò liên quan 2 hay nhiều xã thì giữa các xã phải phối hợp tổ chức.

- Yêu cầu: Tổ chức đăng ký tại mỗi bến

+ Người lái đò phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có kinh nghiệm trong chèo, chống (không cho trẻ em chống đò).

+ Ghe, sồng, xe tải sử dụng phải đảm bảo an toàn, vật liệu phải tốt, không mục, gãy, thủng...;

Lưu ý: Ghe, sồng sử dụng chuyên chở người phải trang bị đầy đủ áo phao và phao cứu hộ.

+ Mỗi bến, UBND xã, thị trấn thành lập 1 tổ trực ít nhất 2 người (người trực phải đeo băng đỏ ở cánh tay phải).

+ Cắm biển báo nguy hiểm ở các đoạn đường bị ngập, nước sâu chảy xiết.

- Nhiệm vụ tổ trực:

+ Không cho đò chở quá tải. Nước lớn chảy xiết, gió mạnh không cho thuyền (sồng) nhỏ đưa đò, không để người lội qua.

+ Giữ gìn trật tự tại bến đò, ban đêm treo đèn báo hiệu ở 2 đầu.

+ Báo cáo kịp thời khi có sự cố xảy ra về UBND xã, thị trấn, đánh keng, loa cầm tay báo động, sử dụng điện thoại nơi gần nhất hoặc báo cáo trực tiếp.

b) Đối với các tuyến giao thông ngập nước trước đây thường xảy ra tai nạn như: Tuyến tràn Bà Rịa (Trà Bu), cầu chui giữa thị trấn Tuy Phước và Phước Nghĩa, tuyến tràn cầu sông Tranh giữa Phước Nghĩa và Phước Hiệp. Giao Chủ tịch UBND xã Phước Nghĩa và Phước Hiệp có trách nhiệm thành lập tổ quản lý đò và xây dựng quy chế hoạt động đối với các chủ hộ có thuyền và ca nô tham gia vận chuyển, tổ chức kiểm tra phương tiện vận chuyển, lập danh sách đăng ký các chủ hộ và cam kết thực hiện khi có lệnh điều động tham gia PCTT. Giao Công an huyện và BCH Quân sự huyện tăng cường lực lượng cùng địa phương để trực.

Lưu ý: Các tuyến ngập nước thường xảy ra tai nạn thuộc địa bàn xã, thị trấn, nào thì xã, thị trấn đó phân công người trực nghiêm túc.

c) Đối với các bến đò từ Tuy Phước đến Quy Nhơn (qua Đầm Thị Nại), gồm có bến Huỳnh Giản (Phước Hoà), bến Vinh Quang, Dương Thiện (Phước Sơn), bến Bình Thái, Nhân Ân, Lộc Hạ (Phước Thuận): Giao Chủ tịch UBND xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hoà cử người làm Bến trưởng tại mỗi bến và cử Xóm trưởng tại chỗ để theo dõi nghe tin tức dự báo mưa, bão, lũ và trực bến kiên quyết không cho phương tiện hoạt động khi khu vực đầm Thị Nại có sóng to gió lớn, không đảm bảo an toàn giao thông đi lại.

10. Phương án thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN và tổ chức các Tổ, Đội xung kích, lực lượng dự phòng

a) Ở huyện

- Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định Kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS của huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban

và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên ở các lĩnh vực đứng chân từng địa phương.

* **Nhiệm vụ:** Theo lệnh điều động của Ban chỉ huy, tăng cường hỗ trợ các xã, thị trấn trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai khi cần thiết như:

- Tham gia cứu hộ công trình khi có sự cố vỡ lở như hồ chứa nước, đê sông, đê biển, các công trình liên quan đến ứng phó thiên tai.

- Khi thiên tai bão, lũ có nguy cơ đe dọa đến sự an toàn nhà cửa, tính mạng và tài sản của nhân dân, phối hợp cùng địa phương giúp đỡ nhân dân sơ tán, di dời người và tài sản đến nơi an toàn.

- Tìm kiếm cứu nạn người và tài sản của nhân dân và của nhà nước khi bị lâm nạn.

- Giúp các địa phương và nhân dân khẩn trương khắc phục hậu quả thiên tai lụt bão, sớm ổn định tình hình như: thu dọn, che tạm lại nhà cửa, trường học, trạm y tế bị sập đổ, vệ sinh môi trường, tu bổ, đắp lại đường sá, dọn cát sa bồi...

- Trách nhiệm của Thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS và Đội xung kích các cấp xã, thị trấn:

- + Khi có lệnh điều động khẩn cấp của UBND huyện đối với các tổ chức thuộc huyện và điều động của UBND xã, thị trấn đối với các tổ chức thuộc xã, thị trấn thì các cá nhân trong tổ chức đã được thành lập phải chấp hành nghiêm túc.

- + Thực hiện chế độ thủ trưởng khi điều hành xử lý công việc, các thành viên trong tổ, đội xung kích và lực lượng dự phòng phải chấp hành sự phân công của Đội trưởng và Thủ trưởng đơn vị.

- Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, Trưởng BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS ở địa phương phải chấp hành kịp thời sự điều hành của Chủ tịch UBND huyện, Thường trực BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện và các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện được Trưởng ban BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS huyện ủy quyền.

- Chủ tịch UBND mỗi cấp có thẩm quyền quyết định cao nhất ở cấp đó. Trường hợp vắng Chủ tịch hoặc được Chủ tịch uỷ quyền thì Phó Chủ tịch, Phó ban thường trực Ban BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS ở cấp đó có quyền quyết định công việc điều hành công tác ứng phó thiên tai và TKCN.

- Các thành viên trong BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS chấp hành kịp thời theo sự phân công của Lãnh đạo chỉ huy. Khi nghe tin bão, lũ, sóng thần và có sự cố do thiên tai phải bám sát địa bàn đã phân công, phối hợp cùng UBND, BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS xã, thị trấn chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thực hiện tốt các phương án, kế hoạch PCTT và sơ tán dân vùng nguy hiểm đến nơi an toàn.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về mọi hậu quả xấu xảy ra trên phạm vi ngành và địa phương mình do thiếu trách nhiệm gây ra.

Tuỳ tình hình phát sinh thực tế và theo yêu cầu của Chủ tịch UBND huyện, có thể điều động để hỗ trợ các địa bàn khác không thuộc phạm vi đứng chân của các đơn vị quân đội nêu trên.

Khi có dự báo bão, lũ lớn xảy ra trực tiếp ảnh hưởng đến địa bàn huyện, UBND huyện tham mưu Thường trực Huyện ủy phân công Lãnh đạo và thành viên BCH PCTT- TKCN & PTDS, các ngành có liên quan để thành lập các Sở Chỉ huy tiền phương trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó, phòng tránh bão, lũ gồm:

- + Tại UBND huyện để chỉ đạo thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, Phước Lộc, Phước An, Phước Thành;
- + Tại UBND xã Phước Nghĩa để chỉ đạo xã Phước Nghĩa, Phước Hiệp;
- + Tại UBND xã Phước Sơn để chỉ đạo xã Phước Thuận; Phước Sơn;
- + Tại UBND xã Phước Hòa để chỉ đạo xã Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Quang, Phước Hưng;

b) Ở các xã, thị trấn

* Chủ tịch UBND các xã, thị trấn ra các Quyết định:

- Kiện toàn BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS của xã, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, thị trấn làm Trưởng ban và phân công trách nhiệm cho từng thành viên đứng chân địa bàn (thôn, xóm) cụ thể.

Việc kiện toàn BCH Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS cấp xã, thị trấn phải đảm bảo công tác điều hành phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả; kiểm tra các phương án đảm bảo thông tin và triển khai các biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả lũ, bão gây ra theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Thành lập Đội xung kích phòng chống thiên tai thường trực tại mỗi xã, thị trấn, với số lượng trung bình 100 người/xã, tối thiểu 60 người/xã.

+ Thành viên Đội xung kích: Chủ yếu là lực lượng dân quân tự vệ và sự tham gia của các thành viên từ các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, xã (Công an, Dân phòng, Chũr thập đỏ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, một số công chức chuyên môn ở xã như: Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, công chức văn phòng - thống kê, công chức văn hóa - xã hội, y tế, v.v).

+ Nhiệm vụ: Tham gia mọi hoạt động về công tác phòng, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt và hạn hán) tại địa phương trên địa bàn xã, thị trấn.

+ Phụ trách Đội xung kích:

Đội trưởng: Do Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã - Phó Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã kiêm nhiệm.

Đội phó: Bao gồm: Phó Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, Phó Trưởng Công an xã và Bí thư Đoàn Thanh niên kiêm nhiệm.

- Thành lập Tổ xung kích tại các vị trí trọng điểm, thôn, xóm. Tuỳ tình hình thực tế ở địa bàn của xã, thị trấn mà tổ chức thành lập các tổ xung kích tại mỗi vị

trí trọng điểm để chủ động xử lý kịp thời khi sự cố xảy ra và hướng dẫn nhân dân đi lại trong mùa mưa lũ.

Thành viên: Là những nông dân, thanh niên ở nơi gần nhất tại mỗi vị trí trọng điểm và có khả năng tham gia xử lý tình huống.

* Nhiệm vụ và trách nhiệm:

- Đội xung kích tại xã, thị trấn khi tình hình bão lũ xảy ra khẩn cấp được điều động tập trung tại xã, thị trấn 100% quân số và được điều đi xử lý các vị trí trọng điểm trên phạm vi xã, thị trấn.

- Tổ xung kích tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn xã, thị trấn chịu trách nhiệm tại vị trí trọng điểm đã phân công.

- Phụ trách Tổ xung kích: Chọn cán bộ hoặc người có uy tín, nhiệt tình và có kinh nghiệm tại địa bàn.

- Tuỳ theo yêu cầu của từng vị trí trọng điểm và địa bàn thôn, xóm mà xác định nhiệm vụ cho Tổ xung kích như giúp đỡ di dời dân ở vùng ngập nước, trực tại các bến đò, các điểm canh đê, các đoạn đường ngập nước, tham gia đắp đê, bảo vệ công trình, vệ sinh môi trường...

11. Các phương án khác theo đặc điểm từng địa phương

*** Lĩnh vực Giáo dục**

- Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện, Hiệu trưởng các trường THPT chỉ đạo các trường, cụm trường tổ chức kiểm tra toàn bộ cơ sở, vật chất của nhà trường. Phát hiện kịp thời những hư hỏng, mối mọt, có kế hoạch sửa chữa hoặc chống đỡ, đảm bảo không bị bão, lụt gây thiệt hại nặng.

- Chỉ đạo các trường ở vùng thường bị ngập sâu, cần có biện pháp chủ động bảo quản trang thiết bị trường học, kê cao vượt lũ. Đối với các cụm trường tiểu học ở vùng ngập sâu, học sinh đi lại khó khăn, không đảm bảo an toàn cho công tác dạy và học, thì chủ động cho học sinh nghỉ học. Trường hợp lũ đặc biệt lớn hoặc có tin bão khẩn cấp (bão sắp đổ bộ vào đất liền ảnh hưởng trên địa bàn), thông báo kịp thời cho học sinh các cấp trên địa bàn huyện nghỉ học.

- Ở những vùng ngập nặng và kéo dài, Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường PTHH xem xét và đề nghị Sở, ngành cho học sinh học trước ngày khai giảng chung.

*** Lĩnh vực y tế**

Giao Trưởng phòng Phòng Y tế huyện phối hợp với Giám đốc Trung tâm Y tế huyện thành lập các Tổ, Đội xung kích phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn của ngành mình. Chuẩn bị dụng cụ y tế và một số cơ số thuốc cần thiết để phòng chống và khắc phục hậu quả lũ, bão kịp thời.

- Các Tổ xung kích chuyên ngành gồm:

+ Tổ dịch tễ, Tổ xử lý thường xuyên: Xử lý trên phạm vi huyện.

+ Tổ cấp cứu điều trị lưu động 1: Trực tại Trung tâm Y tế huyện để điều động khẩn cấp xử lý tình huống các xã, thị trấn phía Nam huyện.

+ Tổ cấp cứu điều trị lưu động 2: Trực tại Phòng khám khu vực Phước Hoà để điều động xử lý tình huống các xã phía Bắc huyện.

- Tại Trung tâm Y tế huyện và Trạm Y tế các xã, thị trấn phải trực 24/24 để cấp cứu và điều trị kịp thời.

- Sau lũ, bão, nhanh chóng triển khai kiểm tra tình hình môi trường, giếng nước ngập lũ, sức khỏe nhân dân để tiến hành xử lý kịp thời.

II. Tổ chức thực hiện

1. Chế độ trực, thông tin liên lạc và báo cáo khi có lũ, bão

1.1. Chế độ trực:

- Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS các cấp, các ngành và các lực lượng thuộc huyện tổ chức trực ban 24/24 từ khi nghe tin báo bão, lũ và khi có lệnh điều động làm nhiệm vụ của cấp thẩm quyền. *(Tại vị trí trực của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN & PTDS các cấp ít nhất từ 03 người trở lên, gồm 01 lãnh đạo và 02 nhân viên).*

- Tổ xung kích tại các trọng điểm: 03 người phân công tại các vị trí gần nhất để kiểm tra công trình thường xuyên.

- Đội xung kích tại các xã: 03 người (lãnh đạo và nhân viên) trực từ khi bắt đầu xuất hiện lũ, tin áp thấp nhiệt đới hoặc có tin bão gần. Trực ban 24/24 khi lũ bắt đầu lớn, tin áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc tin bão khẩn cấp và bão sắp vào đất liền.

- Tổ trực tại các đoạn giao thông ngập nước sâu phải đưa đò, trực từ khi mực nước tràn qua dâng lên 0,4 m và chảy xiết.

- Tại các bến đò: Trực trong giai đoạn khi nghe tin lũ bão đến gần và có sóng to gió lớn. Các tổ trực thông tin ở các xã, thị trấn phân công người trực từ khi xuất hiện lũ.

1.2. Chế độ thông tin liên lạc:

- Dùng mọi tín hiệu, phương tiện đảm bảo nhanh chóng, hiệu quả như: Mõ, keng, chạy bộ, xe, sồng, ghe, điện thoại, đài truyền thanh... để thông tin liên lạc.

- Hiệu lệnh mõ keng: Tập hợp lực lượng 3 hồi 9 tiếng (3 hồi liên tiếp, 9 tiếng chia làm 3 lần, mỗi lần 3 tiếng).

- Báo động khẩn cấp: 2 tiếng 1 lần và liên tục.

- Thường xuyên giữ vững thông tin liên lạc, mở điện thoại bàn, điện thoại di động, máy Fax 24/24 giờ, theo dõi trên trang thông tin điện tử huyện *(Lưu ý: Các xã, thị trấn tắt chế độ gọi, bật chế độ fax)* đảm bảo liên lạc và nắm bắt tình hình chỉ đạo trong quá trình thiên tai bão, lũ xảy ra.

1.3. Chế độ báo cáo:

Báo cáo theo hệ thống ngang, dọc. Hàng ngày tập hợp số liệu đầy đủ, báo cáo nhanh. Từ 13 giờ đến 15 giờ 30, thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN xã, thị trấn thu thập và xử lý xong số liệu trên địa bàn, báo cáo về huyện; từ 14 giờ 30 đến 16 giờ, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện thu thập và xử lý số liệu báo cáo về tỉnh.

2. Nguồn kinh phí đảm bảo công tác phòng, chống thiên tai và TKCN năm 2024

- Trích 30% nguồn dự phòng chi từ ngân sách xã, thị trấn để đảm bảo công tác phòng chống GNTT&TKCN ở từng cấp, từng địa phương. Kinh phí dự phòng để chi công tác phòng, chống thiên tai và TKCN trên địa bàn huyện (30% tương đương 500 triệu đồng), dùng chi cho các trường hợp cấp bách khi lũ, bão xảy ra như: Cứu trợ lương thực, thực phẩm, phương tiện, vật liệu ứng cứu trong di dời, xử lý đê điều, hồ đập vỡ lở.

- Ngoài ra, tiếp nhận và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ của cấp trên, nguồn cứu trợ của các tổ chức, cá nhân khi lụt, bão xảy ra.

3. Khắc phục hậu quả thiên tai

Sau thiên tai, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phải chủ động tổ chức phân công các thành viên kịp thời thu thập, nắm chính xác số liệu thiệt hại chính thức, báo cáo kịp thời về UBND huyện và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN &PTDS huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN &PTDS tỉnh (khi đã thống nhất với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - TKCN &PTDS ở địa phương).

Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương chỉ đạo việc khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định sản xuất, sinh hoạt đời sống nhân dân, tập trung xử lý 1 số lĩnh vực trọng yếu sau:

3.1. Ổn định đời sống dân sinh: Tổ chức thăm hỏi, động viên và cứu trợ các gia đình nạn nhân có người chết, nhà sập v.v; giúp nhân dân xây dựng lại nhà cửa; huy động tổng hợp nhân lực, vật lực từ nhiều nguồn để kịp thời cứu trợ tiền, gạo, áo quần, chăn, mùng v.v, tuyệt đối không để dân đói rét. Cung ứng đủ thóc giống để phục vụ sản xuất.

3.2. Lĩnh vực Giáo dục: Nhanh chóng khắc phục những hư hỏng về cơ sở vật chất trường học, tổ chức ngay việc dạy và học.

3.3. Lĩnh vực Y tế: Tập trung phòng chống dịch bệnh sau bão lụt, tổ chức làm sạch, vệ sinh môi trường, xử lý nguồn nước bị ô nhiễm.

3.4. Lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi: Hàn khẩu kịp thời các đoạn đê điều và kênh, mương bị vỡ lở; huy động mọi lực lượng khắc phục sa bồi, thủy phá để đưa phần lớn diện tích vào sản xuất, đồng thời cung ứng thóc giống kịp thời vụ sản xuất.

3.5. Lĩnh vực Giao thông: Thực hiện gia cố khắc phục các tuyến đường bị sạt lở, hư hỏng mặt đường để việc lưu thông được thuận lợi.

3.6. Lĩnh vực điện và đường dây thông tin: Sớm khôi phục lại hệ thống trụ, cột, đường dây cao thế, hạ thế và điện thoại, đảm bảo sinh hoạt, sản xuất và thông tin liên lạc thông suốt./.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG PHÂN CHIA CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

**Bảng 1: Mã màu đặc trưng trên các loại bản đồ rủi ro thiên tai
(theo thang mã màu RGB cơ bản)**

Cấp độ rủi ro	Màu sắc	Mã màu
1	Xanh dương nhạt	(175, 225, 255)
2	Vàng nhạt	(250, 245, 140)
3	Da cam	(255, 155, 0)
4	Đỏ	(255, 10, 0)
5	Tím	(160, 40, 160)

Bảng 2: Cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão

Cấp ATNĐ, bão	Cấp độ rủi ro
≥16 (siêu bão)	5
14-15 (bão rất mạnh)	5
12-13 (bão rất mạnh)	4
10-11 (bão mạnh)	3
6-9 (ATNĐ, bão)	3
Khu vực ảnh hưởng	Đất liền Nam Trung Bộ

Bảng 3: Cấp độ rủi ro do nước dâng

Độ cao mực nước ven biển (tính từ mực nước biển trung bình) (m)	Cấp độ rủi ro
> 6	4
5 - 6	4
4 - 5	4
3 - 4	4
2 - 3	3
1 - 2	2
Khu vực ảnh hưởng	Ven biển các tỉnh Đà Nẵng đến Bình Định

Bảng 4: Cấp độ rủi ro do mưa lớn

Lượng mưa (mm)	Cấp độ rủi ro					
Trên 400/24giờ	3	3	4	3	4	4
Trên 200 đến 400/24 giờ	2	3	3	2	3	4
Từ 100 đến 200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	3
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4
Khu vực ảnh hưởng	Đồng bằng, ven biển			Trung du, vùng núi		

Bảng 5: Cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt

Mức nước lũ	Cấp độ rủi ro			
Trên lũ lịch sử	3	3	3	5
(BĐ3+1m) đến lũ lịch sử	3	3	3	4
(BĐ3+0.3m) đến dưới (BĐ3+1.0m)	2	2	3	4
BĐ3 đến dưới (BĐ3+0.3m)	2	2	3	3
BĐ2 đến dưới BĐ3	1	2	2	3
BĐ1 đến dưới BĐ2	1	1	1	2
Khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 (gồm các trạm thủy văn: An Hòa, Bông Sơn, Bình Nghi, Vĩnh Sơn)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 (trạm thủy văn Thanh Hòa)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 3	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 4

Bảng 6: Bảng phân cấp báo động lũ ở các sông trên địa bàn tỉnh

TT	Trạm thủy văn	Thuộc sông	Địa điểm	Mức nước lũ lịch sử (m)	Mức nước ứng với cấp báo động lũ (m)		
					I	II	III
1	Thanh Hòa	Kôn	phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	9,68m ngày 16/11/2013	6	7	8
2	Vân Canh	Hà Thanh	thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh	48,05m ngày 02/11/2009	42,5	44	45,5
3	Diêu Trì	Hà Thanh	thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	7,33m ngày 03/11/200	3,5	4,5	5,5

PHỤ LỤC 2: ĐỊA ĐIỂM SƠ TÁN TẬP TRUNG*(Số liệu cập nhật trên phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định đến ngày 15/7/2024)*

TT	Địa phương	Trụ sở UBND xã		Trụ sở thôn/nhà văn hóa thôn/nhà sinh hoạt cộng đồng		Trường học		Trạm Y tế		Cơ sở lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ)		Cơ sở khác (cơ sở tôn giáo, trung tâm thương mại, văn hóa thể thao)		Tổng cộng	
		Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)
	Huyện Tuy Phước	5	1.850	82	3.815	69	30.814	7	4.063	9	1.044	7	8.284	179	49.870
1	Thị trấn Diêu Trì	-	-	1	67	3	733	-	-	-	-	2	117	6	917
2	Thị trấn Tuy Phước	1	353	2	51	1	594	1	2.901	-	-	-	-	5	3.899
3	Xã Phước An	-	-	10	170	4	301	-	-	-	-	-	-	14	471
4	Xã Phước Hiệp	-	-	8	256	7	7	-	-	-	-	-	-	15	263
5	Xã Phước Hòa	1	466	3	290	6	1.629	1	200	3	512	-	-	14	3.097
6	Xã Phước Hưng	-	-	8	376	7	773	1	50	2	166	-	-	18	1.365
7	Xã Phước Lộc	1	200	11	538	8	2.128	1	266	-	-	-	-	21	3.132
8	Xã Phước Nghĩa	-	-	1	50	-	-	-	-	1	66	-	-	2	116
9	Xã Phước Quang	-	-	12	479	8	745	1	30	3	300	-	-	24	1.554
10	Xã Phước Sơn	1	298	11	365	12	1.683	1	116	-	-	-	-	25	2.462
11	Xã Phước Thắng	-	-	4	127	4	889	-	-	-	-	-	-	8	1.016
12	Xã Phước Thành	-	-	4	132	3	1.166	-	-	-	-	-	-	7	1.298
13	Xã Phước Thuận	1	533	7	914	6	20.166	1	500	-	-	5	8.167	20	30.280

	PCTT&TKCN - Phòng NN&PTNT													
-	Máy phát điện	cái		1				1	x					
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	110				110	x					
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	5				5	x					
-	Bao cát	Bao		11.000				11.000	x					
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1				1						
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1				1						
II	CẤP XÃ													
1	UBND xã Phước Nghĩa													
-	Nhà bạt Loại 16,5 m ²	Bộ		1				1						
-	Nhà bạt Loại 60 m ²	Bộ	UBQG	2				2			x			
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30				30			x			
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	10				10			x			
-	Xuồng nhôm máy đẩy	Cái	VT	1				1	x					
-	Vỏ xuồng nhôm	Cái	VT	2				2	x					
-	Bao cát	Bao	2000	3.000				3.000						
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1				1						
-	Sông nhôm	Cái		3										
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1										
2	UBND xã Phước Hưng													
-	Nhà bạt Loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	2				2		x				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30				30		x				
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20				20		x				
-	Bao cát	Bao		2.000				2.000						
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1				1						
-	Sông nhôm	Cái	PCTT cấp	6				6						
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1				1						
3	UBND xã Phước Quang													
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	2				2		x				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	40				40		x				
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20				20		x				
-	Bao cát	Bao		2.000				2.000						
-	Sông nhôm	Cái		8				8						
-	Loa phát thanh cầm tay	Cái		13				13						
-	Loa tích hợp âm ly	Cái		1				1						

-	Xe cút kít	Cái		6					6				
-	Đèn sạt sách tay	Cái		25					25				
-	Thang nhôm chữ A 3m	Cái		12					12				
-	Dây cứu hộ	m		-					-				
-	Loa truyền thanh	Chiếc		10					10				
-	Bộ thu FM truyền thanh không dây kỹ thuật số	bộ		5					5				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	8					8				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
4	UBND xã Phước Hiệp												
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	1					1				
-	Nhà bạt loại 24,75 m ²	Bộ	UBQG	1					1			x	
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	40					40			x	
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20				
-	Bao cát	Bao		2.000					2.000				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	6					6				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
5	UBND xã Phước Thành												
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	1					1			x	
-	Nhà bạt loại 60 m ²	Bộ	UBQG	1					1			x	
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20		x		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	10					10		x		
-	Bao cát	Bao		2.000					2.000				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	2					2				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
6	UBND xã Phước Lộc												
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	1					1		x		
-	Nhà bạt loại 24,5 m ²	Bộ	UBQG	1					1		x		
-	Nhà bạt loại 45 m ²	Bộ		1					1				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30					30	x	x		
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x	x		
-	Máy phát điện	Cái	DA WB5	1					1	x			

-	Loa phát thanh cầm tay	Cái	DA WB5	13					13	x				
-	Loa tích hợp âm ly	Cái	DA WB5	2					2	x				
-	Xe cút kít	Cái	DA WB5	5					5	x				
-	Đèn sạt sách tay	Cái	DA WB5	12					12	x				
-	Đài radio	Cái	DA WB5	12					12	x				
-	Đèn pin đại	Cái	DA WB5	12					12	x				
-	Thang nhôm chữ A 3m	Cái	DA WB5	2					2	x				
-	Dây cứu hộ	m	DA WB5	500					500	x				
-	Bao cát	Bao	DA WB5	2.000					2.000					
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1					
-	Sông nhôm	Cái	PCTT cấp	6					6					
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1					
7	UBND TT Tuy Phước			-					-					
-	Nhà bạt loại 16,55 m ²	Bộ	UBQG	1					1					
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30					30	x				
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x				
-	Bao cát	Bao		2.000					2.000					
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1					
-	Sông nhôm	Cái	PCTT cấp	5					5					
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1					
8	UBND xã Phước Sơn													
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	2					2					
-	Nhà bạt loại 24,5 m ²	Bộ	UBQG	2					2					
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	50					50	x				
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x				
-	Bao cát	Bao		4.000					4.000					
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1					
-	Sông nhôm	Cái	PCTT cấp	8					8					
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1					
9	UBND xã Phước Thuận													
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	7					7	x				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	40					40	x				
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x				
-	Bao cát	Bao		4.000					4.000					

-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	7					7				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
10	UBND xã Phước Hòa												
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	4					4				
-	Nhà bạt loại 24,5 m ²	Bộ	UBQG	2					2				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	40					40	x			
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x			
-	Bao cát	Bao		4.000					4.000				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	8					8				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
11	UBND xã Phước Thắng												
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	40					40	x			
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x			
-	Bao cát	Bao		4.000					4.000				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	9					9				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
12	UBND xã Phước An												
-	Nhà bạt loại 16,5 m ²	Bộ	UBQG	-					-				
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30					30	x			
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x			
-	Bao cát	Bao		2.000					2.000				
-	Máy cưa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	5					5				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
13	UBND xã TT Điều Trì												
-	Phao áo cứu sinh	Cái	PCTT cấp	30					30	x			
-	Phao tròn cứu sinh	Cái	PCTT cấp	20					20	x			
-	Loa phát thanh cầm tay	Cái	DA WB5	7					7				

-	Loa tích hợp âm ly	Cái	DA WB5	5					5				
-	Xe cút kít	Cái	DA WB5	12					12				
-	Đèn sạt sách tay	Cái	DA WB5	11					11				
-	Đèn pin đại	Cái	DA WB5	20					20				
-	Thang nhôm chữ A 3m	Cái	DA WB5	6					6				
-	Bao cát	Bao		2.000					2.000				
-	Máy cửa xăng cầm tay	Cái	PCTT cấp	1					1				
-	Sống nhôm	Cái	PCTT cấp	2					2				
-	Thang nhôm rút	Cái	PCTT cấp	1					1				
TỔNG CỘNG CẢ HUYỆN													
1	Xe Huynh đai	xe		2					2				
2	Xe Fortunet	xe		1					1				
3	Xe U-oat	xe		1					1				
4	Ca nô Yamaha 85CV	cái		1					1				
5	Ca nô Yamaha 40CV	cái		1					1				
6	Ca nô Yamaha 100CV	cái		1					1				
7	Máy phát điện	cái		3					3				
8	Đèn chống bão	cái		15					15				
9	Nhà bạt												
-	Loại 16 m ²	Bộ		22					22				
-	Loại 60 m ²	Bộ		3					3				
-	Loại 24,75 m ²	Bộ		5					5				
-	Loại 45 m ²	Bộ		1					1				
10	Phao áo cứu sinh	Cái		590					590				
11	Phao tròn cứu sinh	Cái		285					285				
12	Xuồng ST-660	Cái		1					1				
13	Xuồng Grum (nhôm)	Cái		1					1				
14	Bo bo	Chiếc		1					1				
15	Loa phát thanh cầm tay	Cái		33					33				
16	Máy cửa xăng cầm tay	Cái		18					18				
17	Bao Cát	Bao		11.000					11.000				
18	Sống nhôm	Cái		75					75				

PHỤ LỤC 4: NHÀ Ở VÀ PHÂN LOẠI NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TT	Địa phương	Số lượng nhà	Kiên cố		Bán kiên cố		Thiếu kiên cố		Đơn sơ	
			SL (nhà)	Tỉ lệ (%)	SL (nhà)	Tỉ lệ (%)	SL (nhà)	Tỉ lệ (%)	SL (nhà)	Tỉ lệ (%)
		[1]	[2]	[3]=[2]/[1]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]	[7]=[6]/[1]	[8]	[9]=[8]/[1]
	Huyện Tuy Phước	52.099	18.732	36,0	30.849	59,2	2.327	4,5	191	0,4
1	Xã Phước Thắng	2.700	326	12,1	2.364	87,6	10	0,4	-	-
2	Xã Phước Hòa	4.305	2.504	58,2	1.646	38,2	152	3,5	3	0,1
3	Xã Phước Sơn	5.928	1.358	22,9	4.557	76,9	13	0,2	-	-
4	Xã Phước Thuận	4.825	980	20,3	2.448	50,7	1.317	27,3	80	1,7
5	Xã Phước Nghĩa	1.387	287	20,7	1.089	78,5	11	0,8	-	-
6	Xã Phước Hiệp	4.526	859	19,0	3.550	78,4	117	2,6	-	-
7	Xã Phước Hưng	3.505	2.249	64,2	1.193	34,0	63	1,8	-	-
8	Xã Phước Quang	3.727	575	15,4	3.109	83,4	43	1,2	-	-
9	Xã Phước Lộc	4.748	902	19,0	3.815	80,4	31	0,7	-	-
10	Xã Phước Thành	3.406	516	15,2	2.755	80,9	135	4,0	-	-
11	Xã Phước An	5.505	5.284	96,0	195	3,5	26	0,5	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	3.450	898	26,0	2.499	72,4	53	1,5	-	-
13	Thị trấn Tuy Phước	4.087	1.994	48,8	1.629	39,9	356	8,7	108	2,6

PHỤ LỤC 5: SỐ LƯỢNG LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM DỰ TRỮ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Nguồn số liệu từ Phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định cập nhật ngày 15/7/2024)

TT	Địa phương	Lương thực thực phẩm					Nước uống đóng chai	Khẩu phần ăn	Khẩu phần nước uống
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp			
		Gói	Gói	Ký	Ký	Hộp			
	Tổng cộng	15.309	30.183	11.671	605	1.000	23.292	25.215	11.646
1	H.Tuy Phước	9	2.000	2.000	-	-	2.000	2.667	1.000
2	TT.Tuy Phước	-	1.000	1.000	-	-	200	1.333	100
3	TT.Diêu Trì	300	200	300	400	800	500	1.082	250
4	X.Phước Thắng	-	1.200	1.500	-	-	400	1.900	200
5	X.Phước Hưng	-	1.000	1.000	-	-	300	1.333	150
6	X.Phước Quang	-	1.000	1.000	-	-	500	1.333	250
7	X.Phước Hòa	-	1.000	1.000	-	-	400	1.333	200
8	X.Phước Sơn	-	800	840	-	200	800	1.172	400
9	X.Phước Hiệp	15.000	15.000	500	-	-	15.000	8.000	7.500
10	X.Phước Lộc	-	983	981	-	-	192	1.308	96
11	X.Phước Nghĩa	-	1.500	50	5	-	500	555	250
12	X.Phước Thuận	-	1.500	1.500	200	-	1.500	2.200	750
13	X.Phước An	-	2.000	-	-	-	1.000	666	500
14	X.Phước Thành	-	1.000	-	-	-	-	333	-

PHỤ LỤC 6:**DANH BẠ ĐIỆN THOẠI THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PCTT - TKCN VÀ PTDS HUYỆN TUY PHƯỚC NĂM 2024**

Số TT	Họ và tên	CHỨC VỤ	Điện thoại	
			Cơ quan	Di Động
1	Huỳnh Nam	Trưởng ban BCH PCTT-TKCN&PTDS huyện - Chủ tịch UBND huyện	3633 345	0935 251 438
2	Nguyễn Ngọc Xuân	Phó Trưởng ban thường trực BCH PCTT-TKCN&PTDS huyện - Phó Chủ tịch UBND huyện	3633 369	0914 140 171
3	Nguyễn Văn Đây	Phó Trưởng ban - Trưởng Công an huyện	3633 356	0914 123 203
4	Phạm Thanh Hà	Phó Trưởng ban - Chỉ huy Trưởng BCH Quân sự huyện	3621 275	0988 657 907
		ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC		
5	Trần Văn Tuấn	Phó Chỉ huy Trưởng kiêm tham mưu trưởng BCH Quân sự huyện		0969 232 221
6	Lê Quang Tuấn	Phó Trưởng Công an huyện		0986 148 833
7	Phạm Quang Ân	Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	3634 249	0918 397 549
8	Nguyễn Văn Tám	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện		0988 620 266
		ỦY VIÊN		
9	Tô Minh Chánh	Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện	3633 363	090 5979 268
10	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng phòng Lao động-TB&XH huyện	3633 051	0989 397 893
11	Nguyễn Đức Dũng	Trưởng phòng Tư pháp huyện	3533 135	0905 325 395
12	Đoàn Tấn Hiến	Trưởng phòng Nội vụ	3633 093	0914 063 287
13	Hà Kim Thi	Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện	3633 364	0906 486 706
14	Huỳnh Thanh Trang	Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện	3633 106	0905 619 176
15	Hồ Thị Thu Hường	Trưởng phòng Y tế huyện	3533 204	0905 462 784

16	Dương Minh Tân	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	3634 583	0966 457 679
17	Nguyễn Thị Bích Phượng	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	3533 357	0917 645 746
18	Hoàng Ngọc Tố Nương	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	3633 838	0914 030 158
19	Dương Ngọc Hùng	Giám đốc TT Y tế huyện	3833 046	0914 230 229
20	Nguyễn Văn Thân	Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện;	3633 607	0988 200 452
21	Huỳnh Minh Chấn	Giám đốc BQL Dự án ĐTXD&PTQĐ huyện	3633 361	0935 289 879
22	Võ Thanh Tùng	Trưởng Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện.	3634 011	0989 686 246
23	Trần Duy Vũ	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	3634 652	0914 116 452
24	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện	3633 395	0376 184 813
25	Nguyễn Công Ý	Bí thư Huyện đoàn Tuy Phước	3633 374	0975 643 616
26	Nguyễn Đình Hoàng	Chi cục trưởng Chi cục Thống kê huyện	3633 103	096 9602 279
27	Mai Xuân Hiền	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ huyện	3533 205	0905 410 066
28	Đoàn Văn Tá	Hạt Trưởng Hạt Kiểm lâm Liên huyện Tuy Phước - Thành phố Quy Nhơn;	6537 738	0935 294 348
29	Đặng Như Hải	Giám đốc Công ty Điện lực Tuy Phước	3633633	0963 455 777
30	Trương Thị Ánh Tuyết	Giám đốc Bưu điện huyện Tuy Phước - Bưu điện tỉnh Bình Định	3634 636	0914 699 987
31	Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch UBND xã Phước Thành	3577 367	0986 956 981
32	Huỳnh Tấn Dũng	Chủ tịch UBND xã Phước An	3777 160	0984 338 346
33	Phạm Văn An	Chủ tịch UBND thị trấn Diêu Trì	3833245	0905.340319
34	Nguyễn Việt Thảo	Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước	3633 307	0905 427566
35	Thái Văn Thuận	Chủ tịch UBND xã Phước Lộc	3832 155	0909 587 379
36	Trần Thị Mỹ Diệp	Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp	3832 482	0905 729 984

37	Lê Quốc Dũng	Chủ tịch UBND xã Phước Nghĩa	3633 346	0983 961 729
38	Phan Thế Khoa	Chủ tịch UBND xã Phước Thuận	3621 375	0987 161 629
39	Tôn Kỳ Hải	Chủ tịch UBND xã Phước Sơn	3830 118	0905 301 268
40	Huỳnh Thanh Vương	Chủ tịch UBND xã Phước Hòa	3831 327	0969 833 447
41	Nguyễn Văn Công	Chủ tịch UBND xã Phước Thắng	3831 324	0916 462 040
42	Đoàn Văn Điệp	Chủ tịch UBND xã Phước Quang	3835 251	0978 044 677
43	Lê Anh Duy	Chủ tịch UBND xã Phước Hưng	3620 370	0966 457679

PHỤ LỤC 7: NHU CẦU LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CÁC KỊCH BẢN BÃO

Bảng 1: Nhu cầu lực lượng ứng phó thiên tai theo các Kịch bản bão 3.1 và Kịch bản bão 3.2

TT	Địa phương	KB bão 3.1 (gió bão cấp 8-9; Rủi ro cấp độ 3)								KB bão 3.2 (gió bão cấp 10-11; Rủi ro cấp độ 3)							
		Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã
	Huyện Tuy Phước	3	11	-	-	2	-	-	10	42	158	8	-	4	-	-	30
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	3	11	-	-	2	-	-	10	32	122	4	-	2	-	-	15
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Xã Phước An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Thị trấn Tuy Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	10	36	4	-	2	-	-	15

Bảng 2: Nhu cầu lực lượng ứng phó thiên tai theo các Kịch bản bão 4 và Kịch bản bão 5

TT	Địa phương	KB bão 4 (gió bão cấp 12-13; Rủi ro cấp độ 4)								KB bão 5 (gió bão trên cấp 14; Rủi ro cấp độ 5)							
		Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã
	Huyện Tuy Phước	16	53	30	4	20	25	15	105	66	150	48	3	36	30	30	240
1	Xã Phước Thắng	1	4	6	2	4	5	3	21	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	1	4	6	2	4	5	3	21	1	4	8	3	6	5	5	40
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	47	91	8	-	6	5	5	40
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Xã Phước Thành	1	1	6	-	4	5	3	21	1	1	8	-	6	5	5	40
11	Xã Phước An	-	-	-	-	-	-	-	-	2	5	8	-	6	5	5	40
12	Thị trấn Diêu Trì	1	4	6	-	4	5	3	21	3	9	8	-	6	5	5	40
13	Thị trấn Tuy Phước	12	40	6	-	4	5	3	21	12	40	8	-	6	5	5	40

PHỤ LỤC 11: NHU CẦU LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CÁC KỊCH BẢN LŨ

TT	Địa phương	KB lũ 2 (Mức nước lũ từ báo động 3 - dưới BĐ 3+1m; Rủi ro cấp độ 2)							KB lũ 3.1 (Mức nước lũ từ BĐ 3 +1m đến lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)							KB lũ 3.2 (Mức nước trên lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)						
		Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã
	Huyện Tuy Phước	-	-	-	-	-	-	-	11	19	24	20	-	-	92	62	232	32	40	20	20	152
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	-	-	-	-	-	-	-	4	8	6	5	-	-	23	6	23	8	10	5	5	38

TT	Địa phương	KB lũ 2 (Mức nước lũ từ báo động 3 - dưới BĐ 3+1m; Rủi ro cấp độ 2)							KB lũ 3.1 (Mức nước lũ từ BĐ 3 +1m đến lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)							KB lũ 3.2 (Mức nước trên lũ lịch sử; Rủi ro cấp độ 3)						
		Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã	Số hộ sơ tán tập trung	Số khẩu sơ tán tập trung	Quân đội	Công an	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động	Đội xung kích PCTT cấp xã
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	2	2	6	5	-	-	23	4	11	8	10	5	5	38
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Xã Phước An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	-	-	-	-	1	3	6	5	-	-	23	3	11	8	10	5	5	38
13	Thị trấn Tuy Phước	-	-	-	-	-	-	-	4	6	6	5	-	-	23	49	187	8	10	5	5	38

PHỤ LỤC 12: NHU CẦU KHẨU PHẦN ĂN CHO SƠ TÁN TẬP TRUNG THEO CÁC KỊCH BẢN BẢO

TT	Địa phương	KB bão 3.1			KB bão 3.2			KB bão 4			KB bão 5		
		Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần	Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần	Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần	Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần
	Huyện Tuy Phước	3	11	55	42	158	790	16	53	265	66	150	750
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-	-	-	1	4	20	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	3	11	55	32	122	610	1	4	20	1	4	20
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	47	91	455
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-	-	-	1	1	5	1	1	5
11	Xã Phước An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	5	25
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	-	-	-	1	4	20	3	9	45
13	Thị trấn Tuy Phước	-	-	-	10	36	180	12	40	200	12	40	200

PHỤ LỤC 13: NHU CẦU KHẨU PHẦN ĂN CHO SƠ TÁN TẬP TRUNG THEO CÁC KỊCH BẢN LŨ

TT	Địa phương	KB lũ 2			KB lũ 3.1			KB lũ 3.2		
		Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần	Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần	Số hộ sơ tán TT	Số khẩu sơ tán TT	Nhu cầu khẩu phần
	Huyện Tuy Phước	-	-	-	11	19	95	62	232	1.160
1	Xã Phước Thắng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Xã Phước Thuận	-	-	-	4	8	40	6	23	115
5	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	2	2	10	4	11	55
6	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Xã Phước Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Xã Phước An	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Thị trấn Diêu Trì	-	-	-	1	3	15	3	11	55
13	Thị trấn Tuy Phước	-	-	-	4	6	30	49	187	935

PHỤ LỤC 14: SỐ LƯỢNG LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM DỰ TRỮ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Nguồn số liệu từ Phần mềm Quản lý thiên tai tỉnh Bình Định cập nhật ngày 15/7/2024)

TT	Địa phương	Lương thực thực phẩm					Nước uống đóng chai	Khẩu phần ăn	Khẩu phần nước uống
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp			
		Gói	Gói	Ký	Ký	Hộp			
	Huyện Tuy Phước	15.309	30.183	11.671	605	1.000	23.292	25.215	11.646
1	UBND huyện	9	2.000	2.000	-	-	2.000	2.667	1.000
2	TT.Tuy Phước	-	1.000	1.000	-	-	200	1.333	100
3	TT.Diêu Trì	300	200	300	400	800	500	1.082	250
4	X.Phước Thắng	-	1.200	1.500	-	-	400	1.900	200
5	X.Phước Hưng	-	1.000	1.000	-	-	300	1.333	150
6	X.Phước Quang	-	1.000	1.000	-	-	500	1.333	250
7	X.Phước Hòa	-	1.000	1.000	-	-	400	1.333	200
8	X.Phước Sơn	-	800	840	-	200	800	1.172	400
9	X.Phước Hiệp	15.000	15.000	500	-	-	15.000	8.000	7.500
10	X.Phước Lộc	-	983	981	-	-	192	1.308	96
11	X.Phước Nghĩa	-	1.500	50	5	-	500	555	250
12	X.Phước Thuận	-	1.500	1.500	200	-	1.500	2.200	750
13	X.Phước An	-	2.000	-	-	-	1.000	666	500
14	X.Phước Thành	-	1.000	-	-	-	-	333	-

